

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 194/2022/HNGĐ-ST

Ngày 02/12/2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Phương

Ông Hoàng Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 02/12/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 168/2022/TLST-HNGĐ ngày 02/3/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:161/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/10/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số:112/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16/11/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hà Thị N, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Hiện nay đang lao động tại Đài Loan địa chỉ: Tầng 1, số 933, khu 1, đường Q, quận Đ, thành phố C, Đài Loan.

Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng của Tòa án: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Giáp Ngọc T, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Hiện nay đi nước ngoài không rõ địa chỉ).

Địa chỉ cuối cùng của anh T ở Việt Nam: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Giáp Ngọc T, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là chị Hà Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị và anh Giáp Ngọc T được tự do tìm hiểu. Xét thấy có tình cảm nên anh chị đã tự nguyện tiến tới hôn nhân và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ ngày 15/3/2018. Sau khi kết hôn chị về nhà anh T làm dâu ngay. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Một thời gian sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhỏ do bất đồng quan điểm. Khoảng năm 2019 anh T đi lao động tại Đài Loan để phát triển kinh tế gia đình. Sau đó khoảng 02 tháng sau thì chị cũng sang Đài Loan để làm việc. Khi sang Đài Loan vợ chồng ở hai nơi khác nhau, ban đầu có liên lạc hỏi thăm nhau nhưng sau đó thì ít liên lạc dần, không còn quan tâm nhau nữa nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, sống xa nhau nên không còn tình cảm. Hiện nay anh chị không còn liên lạc gì và ly thân từ đó đến nay.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Giáp Ngọc T.

Về con chung: chị và anh T có 01 con chung là cháu Giáp Thị Anh T, sinh ngày 08/6/2018. Hiện nay con chung đang ở cùng bố mẹ chồng chị. Sau khi ly hôn chị đề nghị để anh T và gia đình nhà anh T đứng ra chăm sóc con chung cho anh chị. Vì hiện nay anh chị đều đi nước ngoài không thể chăm sóc con chung, cháu cũng ở ổn định với ông bà từ bé đến nay. Đề nghị Tòa án triệu tập ông T là bố chồng chị tham gia tố tụng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án, là người đứng ra chăm sóc con chung của anh chị. Về cấp dưỡng chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Hiện nay, do làm việc ở xa nên chị không thể về tham gia các phiên tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án được, chị và anh T đã không đạt được mục đích hôn nhân nên chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải giữa chị và anh T, chị xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên xét xử của Tòa án trong vụ án này.

Ngoài ra, chị N còn trình bày: Chị về Việt Nam nghỉ phép từ ngày 30/8/2022 đến 14/9/2022, do vậy chị ủy quyền cho chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990; địa chỉ:

thôn M, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang, thay mặt chị đến Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang nộp các tài liệu, đơn khởi kiện, chứng cứ, nộp tạm ứng án phí, chi phí tố tụng khác, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho chị, nhận trích lục án, bản án. Chị Nhung có trách nhiệm thông báo lại nội dung các văn bản nêu trên cho chị biết ngay, thời hạn ủy quyền đến khi giải quyết xong vụ án.

Bị đơn là anh Giáp Ngọc T hiện đang lao động ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với anh T đến nay không nhận được văn bản ý kiến của anh T.

Ngày 04/10/2022 và ngày 28/10/2022, Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua bố đẻ của anh T là ông Giáp Ngọc T, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang, ông có quan điểm trình bày như sau:

Ông là bố đẻ của anh Giáp Ngọc T có địa chỉ như trên hiện nay anh T đang đi lao động tại nước ngoài và vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình. Về địa chỉ của anh T ở nước ngoài, ông không biết nên không cung cấp cho Tòa án được. Tòa án yêu cầu gia đình ông thông báo để anh T gửi quan điểm về thì gia đình ông từ chối thực hiện. Việc chị N xin ly hôn thì anh T có nắm được và trao đổi là tùy chị N giải quyết, anh T không có ý kiến gì. Về mâu thuẫn vợ chồng anh T chị N thì ông cũng không nắm được.

Về con chung: vợ chồng chị N, anh T có 01 con chung là cháu Giáp Thị Anh Thư, cháu đang ở cùng gia đình ông, anh T đồng ý nuôi dưỡng con chung do anh T và chị N không có nhà và ông cũng đã thống nhất là ông nội của cháu sẽ đứng ra chăm sóc con chung khi anh T chị N không có nhà.

Tài sản chung, công nợ chung: Anh T, chị N không có.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Giáp Ngọc T trình bày:

Ông đề nghị Tòa án triệu tập ông tham gia tố tụng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Hiện nay cháu T vẫn phát triển bình thường. Bố mẹ cháu vẫn gọi điện về thăm hỏi cháu. Do bận công việc nên ông xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị N, ông T xin vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử công bố đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tóm tắt nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho chị Hà Thị N được ly hôn anh Giáp Ngọc T.

Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82, 104 Luật hôn nhân và gia đình. Giao con chung là cháu Giáp Thị Anh T, sinh ngày 08/6/2018 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Trong thời gian anh T đi lao động nước ngoài đề nghị tạm giao con chung là cháu T cho ông Giáp Ngọc T là ông nội của cháu Thư chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi anh T về Việt Nam.

Về cấp dưỡng không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Chị N không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc chị Hà Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Hà Thị N là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại Đài Loan có địa chỉ: Tầng 1, số 933, khu 1, đường Q, quận Đ, thành phố C, Đài Loan. Chị N về nước ngày 30/8/2022 đến ngày 14/9/2022 (nghỉ phép) có đơn khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu giải quyết nuôi con chung đối với anh Giáp Ngọc T. Bị đơn anh Giáp Ngọc T là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang nhưng đang cư trú ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Theo công văn số: 21179/QLXNC-P5 ngày 12/10/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an cung cấp thì anh Giáp Ngọc T đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 30/5/2019, chưa thấy thông tin nhập cảnh về Việt Nam; không có thông tin địa chỉ nước đến, địa chỉ ở nước ngoài của anh T. Từ các nội dung trên, Hội đồng xét xử xác định: Đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; về thẩm quyền: do vụ án có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Chị N, ông T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Giáp Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không

có lý do. Tòa án đã niêm yết tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh T theo quy định tại khoản 5 Điều 177, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N, anh T, ông T.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị N và anh Giáp Ngọc T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 15/3/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh T.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hà Thị N với anh Giáp Ngọc T. Hội đồng xét xử thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị Hà Thị N và anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn. Hiện chị Hà Thị N và anh T mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa, vợ chồng mâu thuẫn cắt đứt liên lạc. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng chị N và anh T đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Hà Thị N được ly hôn anh Giáp Ngọc T.

[4]. Về nuôi con chung: Chị Hà Thị N và anh T có 01 con chung là cháu Giáp Thị Anh T, sinh ngày 08/6/2018. Hiện nay con chung đang ở cùng bố mẹ anh T. Sau khi ly hôn chị N đồng ý để anh T và ông T là bố đẻ anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T, ông T đồng ý nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T. Xét đề nghị của chị N về yêu cầu giải quyết người nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy: Tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án cả chị N và anh T đang lao động ở nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, anh T thì vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình và cháu T, gửi tiền để chăm sóc và nuôi dưỡng cháu T. Ngoài ra, cháu T từ khi bố mẹ đi lao động nước ngoài, cháu T vẫn ở cùng ông T là ông nội của cháu và được ông T chăm sóc chu đáo, cháu phát triển bình thường. Ngoài ra, ông T đồng ý nhận trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của chị N, anh T trong thời gian chị N, anh T đang lao động ở nước ngoài. Việc ông T nhận trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T là phù hợp quy định tại Điều 104 Luật Hôn nhân và gia đình nên đề nghị của chị N là có căn cứ và phù hợp điều kiện thực tế và quy định pháp luật. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi của con chung căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 104 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu và đề nghị của chị N giao cho anh T nuôi dưỡng, trông

nom, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Giáp Thị Anh T, sinh ngày 08/6/2018. Trong thời gian anh T đi lao động nước ngoài tạm giao cho ông T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Giáp Thị Anh T đến khi anh T về Việt Nam.

Về cấp dưỡng nuôi con chung chị N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): chị N trình bày không đề nghị tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị Hà Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 104; khoản 2, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1, Điều 37; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; điểm b khoản 1 Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị N được ly hôn anh Giáp Ngọc T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Giáp Thị Anh T, sinh ngày 08/6/2018 cho anh Giáp Ngọc T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nhưng tạm giao cháu Giáp Thị Anh T cho ông Giáp Ngọc T nuôi dưỡng, chăm sóc trong thời gian anh T đi lao động nước ngoài đến khi anh T về Việt Nam. Chị Hà Thị N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở chị N thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Hà Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000 611 ngày 03/10/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Hà Thị N, anh Giáp Ngọc T hiện đang cư trú ở nước ngoài, vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Ông Giáp Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Đ, huyện L;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

